

Số: 146 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc giải trình một số nội dung theo Báo cáo số 118/BC-HĐND ngày 04/7/2019 của HĐND tỉnh Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh

Theo nội dung ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Báo cáo số 118/BC-HĐND ngày 04/7/2019 Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo giải trình, cụ thể như sau:

1. Nội dung tại Khoản 1, Mục II của Báo cáo số 118/BC-HĐND ngày 04/7/2019

- **Tại Điểm a:** Làm rõ điều kiện thu hồi đất 53 công trình, dự án tại Mục I của Phụ lục kèm theo Báo cáo thẩm tra.

Về nội dung này, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp UBND các huyện, thành phố tiếp thu cập nhật, bổ sung đầy đủ thông tin các văn bản ghi vốn thực hiện đối với các dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại (không nhất thiết phải là quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm b, Khoản 6, Điều 67, Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Riêng đối với 02 dự án chưa bố trí vốn loại khỏi danh mục: (1) Đường du lịch vào Khu di tích văn hóa Sa Huỳnh; (2) Đường trục chính Trung tâm huyện Lý Sơn (cụ thể chi tiết thông tin từng công trình có phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6 kèm theo).

- **Tại Điểm b:** Xác định 08 công trình, dự án tại Mục II Phụ lục kèm theo Báo cáo thẩm tra, có thuộc trường hợp nhà nước phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai hay không? Vì sao?

+ Thành phố Quảng Ngãi: Thống nhất loại 01 dự án khỏi danh mục đối với công trình Phần diện tích đất thừa và đất lồm sau khi thực hiện hoàn thành dự án Khu di dời dân vùng sạt lở ven sông xã Tịnh Long, nguyên nhân không xác định được tên công trình và đất này đã được nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án trước đây.

Đối với 5 dự án: Trường Mầm non Quốc tế SNAM; Câu lạc bộ Văn hóa, Thể thao Hưng Vũ; Bể bơi, sân bóng đá mini, phòng tập TDTT Gym;

Khu văn hóa đa năng trường Mầm non Hoa Cương; Trung tâm Thể dục thể thao Hoàng Quân, là các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa; do đó theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực **giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường**, thì các cơ sở thực hiện xã hội hóa **được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng** để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất. Do đó, để có cơ sở thu hồi đất cho nhà đầu tư thuê đất theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ thì danh mục các dự án này phải được HĐND tỉnh thông qua là phù hợp với quy định.

+ Huyện Trà Bông: Thống nhất loại khỏi danh mục đối với dự án Điểm dân cư điểm trường mẫu giáo thị trấn Trà Xuân, nguyên nhân không thực hiện thu hồi đất.

+ Huyện Lý Sơn: Thống nhất loại khỏi danh mục đối với dự án Tổ hợp du lịch văn hóa di sản Lý Sơn, nguyên nhân dự án do Doanh nghiệp làm chủ đầu tư (hạng mục đầu tư không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai).

- **Tại Điểm c:** *Các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư từ các năm trước và đã triển khai thực hiện nhưng vì sao đến nay mới trình HĐND tỉnh thu hồi đất?*

+ Đối với dự án Khu Đô thị An Phú Sinh, thành phố, Quảng Ngãi: Đây là dự án đang triển khai thực hiện và được UBND tỉnh giao đất từng đợt, đối với phần diện tích đăng ký đợt này là phần bổ sung mới.

+ Đối với dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Nhà máy sản xuất BIO-Ethanol nhiên liệu Dung Quất: Đã thực hiện công tác bồi thường, GPMB theo chủ trương đầu tư từ năm 2009 trước thời điểm Luật Đất đai 2013 (*Công văn số 352/BQL-KHĐT ngày 09/4/2009 của BQL KKT Dung Quất về việc chấp thuận đầu tư dự án*). Tuy nhiên, do còn tồn tại khoảng 8.625 m²/08 hộ dân vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB để thực hiện thu hồi đất theo Luật Đất đai 2013 thì đăng ký, bổ sung dự án để HĐND tỉnh thông qua làm cơ sở thu hồi đất đối với các dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất.

+ Đối với Dự án Thủy điện Đăk Ba (*hạng mục Đường dây 110kV đấu nối nhà máy Thủy điện vào TBA 110/220kv Sơn Hà*): Dự án đang triển khai thực hiện, nay đăng ký bổ sung danh mục công trình để làm cơ sở thu hồi đất thực hiện dự án.

- **Tại Điểm d:** *Dự án Nguyễn Đình Chiểu được UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn thực hiện tại Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018. Do đó, việc đăng ký bổ sung danh mục thực hiện dự án làm cơ sở*

bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2019 là phù hợp với quy định của Luật Đất đai (trừ phần diện tích đất an ninh thuộc Nhà tạm giữ Công an thành phố Quảng Ngãi). Riêng đối với phần diện tích an ninh, UBND tỉnh lấy ý kiến Bộ Công an (theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Đất đai) thống nhất trước khi trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

- **Tại Điểm đ:** Việc thu hồi đất 29,74ha tại các xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Minh, huyện Đức Phổ của dự án đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần II là phần diện tích bổ sung mới, không trùng lặp với phần diện tích 15,45 ha tại xã Phổ An đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND.

2. Nội dung tại Khoản 2, Mục II của Báo cáo số 118/BC-HĐND ngày 04/7/2019

- **Tại Điểm a và Điểm b:** *Liên quan đến việc thu hồi đất thực hiện các dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất.*

Qua đối chiếu các quy định của Luật Đất đai đối với các dự án thuộc Khu kinh tế Dung Quất thì các dự án này không thuộc Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai do HĐND tỉnh chấp thuận thông qua; đồng thời các dự án này không thuộc Khoản 1 và Khoản 2, Điều 62, Luật Đất đai tức không thuộc dự án do Quốc hội quyết định và Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. Như vậy, các dự án nêu trên cũng không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Theo quy định tại Điều 151 Luật Đất đai thì Khu kinh tế được Nhà nước thu hồi đất. Để có cơ sở thu hồi đất thực hiện dự án trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất thì phải được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh thu hồi đất theo quy định.

- **Tại Điểm c:** *Một số dự án¹ UBND tỉnh đã phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất của huyện Bình Sơn và xác định là những công trình không thuộc khoản 3 Điều 62 Luật đất đai, nhưng tại kỳ họp này, UBND tỉnh lại trình HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình thuộc khoản 3 Điều 62 Luật đất đai.*

Qua rà soát thì các dự án này nằm trong địa bàn Khu kinh tế Dung Quất nên thuộc đối tượng thu hồi đất, do đó đăng ký bổ sung đợt này vào danh mục thu hồi đất để làm cơ sở thu hồi đất thực hiện dự án theo quy định.

Riêng đối với dự án Điện năng lượng mặt trời tại xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, trước đây UBND tỉnh đã đưa vào Kế hoạch sử dụng đất trong danh mục thỏa thuận. Tuy nhiên trong quá trình đơn vị triển khai thực hiện dự án thì được Tổng cục Quản lý Đất đai trả lời đây là dự án điện mặt trời thuộc đối tượng thu hồi đất được quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 62

¹ Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất để thực hiện 03 công trình, gồm: Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại BFC Vạn Tường, Xưởng cơ khí Thượng Hải Dung Quất, Cửa hàng xăng dầu Trị Trang; dự án Khu dân cư chính trang Đông Nam mở rộng thị trấn Châu Ô; dự án Điện năng lượng Mặt trời

Luật Đất đai (Công văn số 1615/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 12/9/2018). Do đó, để thực hiện đúng theo Luật Đất đai thì dự án phải bổ sung vào danh mục thu hồi đất là đúng theo quy định.

- **Tại Điểm d:** Làm rõ cơ sở pháp lý trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án 02 dự án trong Khu kinh tế Dung Quất, gồm: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng bãi biển dùng chung (Khu 01) thuộc Khu đô thị Vạn Tường, KKT Dung Quất và dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng bãi biển dùng chung (Khu 02) thuộc Khu đô thị Vạn Tường, KKT Dung Quất; đối tượng bị thu hồi và đối tượng được giao, cho thuê.

Thực tế hiện nay phần diện tích quy hoạch bãi biển dùng chung do hộ gia đình, cá nhân sử dụng (có tài sản gắn liền với đất), do đó việc Ban Quản lý KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi đề nghị bổ sung công trình, dự án để thực hiện công tác thu hồi đất và thực hiện theo quy hoạch để tạo bãi biển dùng chung là phù hợp với quy định.

3. Nội dung đề xuất, bổ sung

Qua rà soát, ngoài danh mục công trình, dự án trình HĐND tỉnh thông qua, đề nghị bổ sung thêm một công trình, dự án sử dụng đất lúa đối với dự án Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tại huyện Nghĩa Hành, với diện tích đất lúa là 5.187,0m², được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 503/QĐ-UBND ngày 28/6/2019.

Trên đây là một số nội dung giải trình theo Báo cáo số 118/BC-HĐND ngày 04/7/2019 của HĐND tỉnh Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: CPVP, PCVP(NL), CB-BH;
- Lưu VT, NN-TN(TV223).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bình

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN | DIỆN TÍCH QH | ĐỊA ĐIỂM (cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | CÔNG VẤN, CHỦ TRƯỞNG | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|--------------------|------------------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) = (8)+(9)+(1 0)+(11)+(1 2) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 | Trường Mầm non Quốc tế SNAM | 0,57 | Phường Nghĩa Lộ | Tờ số 4 | QĐ chủ trương đầu tư số 318/QĐ- UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh | | | | | | |
| 2 | Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc (bổ sung) | 23,4 | Xã Nghĩa Dũng, xã Tịnh An | Tờ số 06 xã Nghĩa Dũng; Tờ số 10, 14 xã Tịnh An | QĐ số 1994/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh phê duyet chủ trương đầu tư | | | | | | |
| 3 | Cầu lạc bộ Văn hóa, Thể thao Hưng Vũ | 0,415 | Phường Lê Hồng Phong | Tờ số 1, 13, 47 | QĐ số 111/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh phê duyet chủ trương đầu tư | 1.000 | | | | | 1.000 |
| 4 | Đường Nguyễn Bá Loan - nối dài (đoạn từ đường Trương Quang Trọng đến đường Nguyễn Cư Trinh) | 0,27 | Phường Lê Hồng Phong | | Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố | 1.500 | | | 1.500 | | |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN | DIỆN TÍCH QH | ĐỊA ĐIỂM (cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|--------------------|------------------------------|---|--|--|-------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| 5 | Đường Mạc Đĩnh Chi (đoạn từ đường Hai Bà Trung đến đường Nguyễn Cư Trinh) | 0,38 | Phường Lê Hồng Phong | | Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố | 380 | | | 380 | | |
| 6 | Xây dựng Cầu Bàu Sắt trên tuyến đường Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng | 0,09 | Phường Trương Quang Trọng | | Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phân khai Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 được UBND tỉnh bố trí nguồn tại Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 | 100 | | | 100 | | |
| 7 | Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà | 3,01 | Xã Tịnh An Đông | | Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vào Nhà máy xử lý rác Đồng Nà | 3.000 | | | 3.000 | | |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN | DIỆN TÍCH QH | ĐỊA ĐIỂM (cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|--------------------|----------------------|---|--|--|-------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| 8 | Xây dựng Cầu Bàu Đình thuộc tuyến đường ĐH 534, xã Tịnh An Đông | 0,01 | Xã Tịnh An Đông | | Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố | 50 | | | 50 | | |
| 9 | Cầu Hưng Nhơn | 1,05 | Xã Nghĩa Hà | | Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2018 thuộc ngân sách thành phố | 1.000 | | | 1.000 | | |
| 10 | Đường Triệu Quang Phục (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Phan Đình Phùng) | 0,32 | P Chánh Lộ | | Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố | 320 | | | 320 | | |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN | DIỆN TÍCH QH | ĐỊA ĐIỂM (cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|--------------------|----------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| 11 | Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ KDC Yên Phú đến đường Nguyễn Công Phương) | 0,88 | P Nghĩa Lộ | | Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018; trong đó có dự án đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ KDC Yên Phú đến đường Nguyễn Công Phương) | 800 | | | 800 | | |
| 12 | Công viên tỉnh Quảng Ngãi - Hạng mục đường trục phía Nam công viên | 2,75 | Xã Tịnh Khê | Tờ bản đồ số 22 và 46 xã Tịnh Khê | Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Công viên tỉnh Quảng Ngãi - Hạng mục Đường trục phía Nam công viên | 2.000 | | | 2.000 | | |
| 13 | Khu dân cư lôm kết hợp chính trang đô thị phía Nam thành phố giáo dục quốc tế | 3,83 | P Nghĩa Lộ | Tờ bản đồ số 9 phường Nghĩa Lộ | Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư lôm kết hợp chính trang đô thị phía Nam thành phố giáo dục quốc tế | 3.000 | | | 3.000 | | |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN | DIỆN TÍCH QH | ĐỊA ĐIỂM (cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|--------------------|----------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| 14 | Khu dân cư Tây Ấn, thành phố Quảng Ngãi | 9,8 | Xã Tịnh Ấn Tây | Tờ bản đồ số 11, 20 và 21 xã Tịnh Ấn Tây | Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Tây Ấn, thành phố Quảng Ngãi | 9.000 | | | 9.000 | | |
| 15 | Xây dựng Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi | 0,77 | P Trần Phú | Tờ bản đồ số 13, 14 và 19, phường Trần Phú | Quyết định số 2360/QĐ-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng của Kho bạc Nhà nước giai đoạn 2016-2020 | 700 | | | 700 | | |
| 16 | Phân diện tích đất thừa và đất lõm sau khi thực hiện hoàn thành dự án Khu di dời dân vùng sạt lở ven sông xã Tịnh Long | 0,30 | Xã Tịnh Long | Tờ bản đồ số 17 và 22 xã Tịnh Long | Công văn số 1629/UBND ngày 28/3/2018 của UBND thành phố về việc xử lý đất thừa của dự án và giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các hộ dân liền kề | 300 | | | 300 | | |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN | DIỆN TÍCH QH | ĐỊA ĐIỂM (cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|--------------------|----------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ) |
| 17 | Bồi thường GPMB thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền Nhân Hậu | 0,7 | Xã Tịnh Hòa | Tờ bản đồ số 15 xã Tịnh Hòa | Công văn số 835/BQL-QLĐĐ ngày 21/5/2019 của Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để nhà đầu tư nghiên cứu đầu tư dự án | 700 | | | 700 | | |
| 18 | Dự án Khu Đô thị An Phú Sinh, thành phố Quảng Ngãi | 10,5 | Phường Nghĩa Chánh | Tờ bản đồ số 9, 13, 14, 28, 34 phường Nghĩa Chánh | Công văn số 2169/UBND ngày 13/12/2012 của UBND thành phố về việc điều chỉnh ranh giới thu hồi đất để thực hiện dự án Khu Đô thị An Phú Sinh, thành phố Quảng Ngãi | 10.000 | | | 10.000 | | |
| 19 | Khu dân cư lôm tô 9, phường Nghĩa Chánh | 0,1 | Phường Nghĩa Chánh | Tờ bản đồ số 46 phường Nghĩa Chánh | Quyết định số 10583/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố | 1.000 | | | 1.000 | | |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN | DIỆN TÍCH QH | ĐỊA ĐIỂM (cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|--------------------|----------------------|---|--|--|-------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| 20 | Văn phòng làm việc Ban Đại diện Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh Quảng Ngãi | 0,15 | Xã Nghĩa Đông | Tờ bản đồ địa chính số 6, xã Nghĩa Đông | Công văn số 7195/UBND-NC ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết việc Ban Đại diện Tin lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh đề nghị giao đất để xây dựng Văn phòng làm việc | 150 | | | | | 150 |
| 21 | Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện tâm thần tỉnh Quảng Ngãi | 0,2 | Phường Nghĩa Lộ | Tờ số 3 | QĐ số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018 | 500 | | 500 | | | |
| 22 | Bể bơi, sân bóng đá mini, phòng tập TDTT Gym (dự án xã hội hóa) | 0,26 | Phường Nghĩa Lộ | Tờ bản đồ địa chính số 25, phường Nghĩa Lộ | Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Bể bơi, sân bóng đá mini, phòng tập TDTT Gym | 2.600 | | | | | 2.600 |

| STT | TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN | DIỆN TÍCH QH | ĐỊA ĐIỂM (cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | CÔNG VĂN, CHỦ TRƯỞNG | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|------------------|---|--------------------|----------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| 23 | Khu văn hóa đa năng trường Mầm non Hoa Cương (dự án xã hội hóa) | 0,36 | P Lê Hồng Phong | Tờ bản đồ số 38, phường Lê Hồng Phong | Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu văn hóa đa năng trường Mầm non | 3.600 | | | | | 3.600 |
| 24 | Trung tâm Thể dục thể thao Hoàng Quân (dự án xã hội hóa) | 0,5 | Xã Nghĩa Đông | Tờ bản đồ địa chính số 16 và 17, xã Nghĩa Đông | Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án: Trung tâm Thể dục thể thao Hoàng Quân tại xã Nghĩa Đông, thành phố Quảng Ngãi | 5.000 | | | | | 5.000 |
| Tổng cộng | | 60,62 | | | | 46.700 | - | 500 | 33.850 | - | 12.350 |

Phụ lục 2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN BÌNH SƠN

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 | Dự án Truyền thống và Thư viện huyện Bình Sơn | 0,52 | Thị trấn Châu Ô | Tờ bản đồ số 24 | QĐ số 1101/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND huyện Bình Sơn về việc phân khai kinh phí để xây dựng nhà truyền thống và Thư viện huyện Bình Sơn | 700 | | | 700 | | |
| 2 | Khu dân cư Rộc Đình | 1,07 | Xã Bình Long | Tờ bản đồ số 2 | QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện Bình Sơn về việc Chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Rộc Đình; QĐ số 893/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của huyện Bình Sơn về việc giải quyết kinh phí cho các cơ quan đơn vị và phân bổ kinh phí từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2018 được chuyển sang năm 2019 | 1.500 | | | 1.500 | | |
| 3 | Dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh | 0,668 | Xã Bình Hải | Tờ bản đồ số: 69,70. | QĐ số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về giao vốn đầu tư công năm 2019 | 1.350 | | 1.350 | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|--------------------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 4 | Khu dân cư thị trấn Châu Ô | 9,18 | Xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô | Tờ số 18, xã Bình Trung; Tờ số 1, 2,4,5,9,10,42,43 thị trấn Châu Ô | QĐ chủ trương đầu tư số 783/QĐ-UBND của UBND tỉnh | 10.000 | | | | | 10.000 |
| 5 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất | 45,75 | Xã Bình Thuận | Tờ bản đồ số 91, 92, 93 xã Bình Thuận. | Quyết định chủ trương đầu tư số 150/QĐ-BQL ngày 16/5/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi chấp thuận nhà đầu tư: Công ty Cổ phần cảng tổng hợp Hòa Phát. | 45.000,00 | | | | | 45.000,00 |
| 6 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Hòa Phát Dung Quất. | 62,11 | Xã Bình Thuận | Tờ bản đồ số 18, 19, 25, 26, 32, 92, 93, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104 xã Bình Thuận. | Công văn số 171/BQL-QLĐT ngày 30/01/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để Công ty CP cảng tổng hợp Hòa Phát nghiên cứu đề xuất dự án đầu tư. | 62.000,00 | | | | | 62.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 7 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án: Khách sạn Hòa Phát Dung Quất | 0,7887 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số 42, 43, 49, 50 | Quyết định chủ trương đầu tư số 177/QĐ-BQL ngày 05/6/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi. Chấp thuận nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất | 1,00 | | | | | 1,00 |
| 8 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà máy chế biến gỗ Bảo Nguyên Dung Quất | 0,9 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 21, 32, 33 | Quyết định số 38/QĐ-BQL ngày 28/01/2019 về chủ trương đầu tư Nhà máy chế biến gỗ Bảo Nguyên | 1,00 | | | | | 1,00 |
| 9 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án: Nhà máy sản xuất bê tông và cơ khí Vạn An Thịnh Phát Dung Quất | 3,1 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 13, 14 | Quyết định số 185/QĐ-BQL ngày 13/6/2019 về chủ trương đầu tư Nhà máy sản xuất bê tông và cơ khí Vạn An Thịnh Phát | 4,00 | | | | | 4,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 10 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án: Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Huy 2 | 0,9 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 59, 60, 67, 68 | Quyết định số 146/QĐ-BQL ngày 10/5/2019 về chủ trương đầu tư Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Huy 2 | 1,00 | | | | | 1,00 |
| 11 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà máy chế biến lâm sản phát lộc | 14,00 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 8, 12 | Quyết định số 138/QĐ-BQL ngày 04/5/2019 về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy chế biến lâm sản Phát Lộc | 15,00 | | | | | 15,00 |
| 12 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án mở rộng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất và các dự án vệ tinh - Phần diện tích thỏa thuận tạm để trồng cây xanh cảnh quan và đầu nối giao thông | 2,96 | Xã Bình Thuận | Tờ bản đồ số 24, 30, 37, 38 | Công văn số 1741/BQL-QHXD ngày 01/10/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thỏa thuận tạm phần diện tích phía trước dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất để trồng cây xanh cảnh quan và đầu nối giao thông. | 3,00 | | | | | 3,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 13 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án mở rộng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất và các dự án vệ tinh - Phần diện tích thỏa thuận tạm để trồng cây xanh cảnh quan và đầu nối giao thông | 1,6 | Xã Bình Thuận | Tờ bản đồ số 44, 50, 51, 57, 58, 64, 65 | Công văn số 1741/BQL-QHXD ngày 01/10/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thỏa thuận tạm phần diện tích phía trước dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất để trồng cây xanh cảnh quan và đầu nối giao thông. | 2,00 | | | | | 2,00 |
| 14 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà máy chế tạo thiết bị phụ trợ và bãi đỗ phương tiện vận tải cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất - Phần diện tích thỏa thuận tạm để trồng cây xanh cảnh quan | 0,14 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số 92, 95 | Công văn số 109/BQL-QHXD ngày 19/01/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thỏa thuận tạm phần diện tích phía Tây Nhà máy chế tạo thiết bị phụ trợ và bãi đỗ phương tiện vận tải để trồng cây xanh cảnh quan. | 2,00 | | | | | 2,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|----------------------|-----------------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 15 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu nhà ở công nhân Hòa Phát - Phần diện tích thỏa thuận để cải tạo, trồng cây xanh cảnh quan hồ Tân Hòa | 4,99 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số 43, 44, 45, 36 | Công văn số 488/BQL-QHXD ngày 28/3/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thông tin quy hoạch đối với phần diện tích đề xuất cải tạo và nâng cấp Hồ Tân Hòa. | 5,00 | | | | | 5,00 |
| 16 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu nhà ở công nhân Hòa Phát - Phần diện tích thỏa thuận tạm phía Bắc hồ Tân Hòa để trồng cây xanh cảnh quan | 0,66 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số 43, 44, 45, 36 | Công văn số 1850/BQL-QHXD ngày 18/10/2018 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thỏa thuận tạm phần diện tích Bắc hồ Tân Hòa | 1,00 | | | | | 1,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 17 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án: Khu thương mại dịch vụ Đồng Hưng | 0,32 | Xã Bình Hòa | Tờ bản đồ số 1, 7 | Quyết định chủ trương đầu tư số 186/QĐ-BQL ngày 13/6/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi. Chấp thuận nhà đầu tư: Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và dịch vụ Đồng Hưng | 1,00 | | | | | 1,00 |
| 18 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án: Khu dân cư Đập Ban | 10,3 | xã Bình Nguyên | Tờ bản đồ số 21 | Công văn số 5324/UBND-CNXD ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát, lập đề xuất đầu tư dự án khu dân cư Đập Ban, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn | 20,00 | | | | | 20,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 19 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng kho bãi và nhà xưởng công nghiệp để cho thuê giai đoạn 2 | 4,7 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 20, 21 | Công văn số 284/BQL-QLĐT ngày 28/2/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án mở rộng kho bãi và nhà xưởng công nghiệp để cho thuê giai đoạn 2 | 5,00 | | | | | 5,00 |
| 20 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu thương mại dịch vụ Tri Bình | 1,5 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 20, 22 | Công văn số 294/BQL-QLĐT ngày 01/3/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu thương mại dịch vụ Tri Bình | 2,00 | | | | | 2,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 21 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất; Dự án Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Bình Chánh | 6,00 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 7, 8, 10, 11 | Công văn số 589/BQL-QLĐT ngày 12/4/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Bình Chánh | 20,00 | | | | | 20,00 |
| 22 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ Huy Vũ | 0,75 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 24, 25 | Công văn số 671/BQL-QLĐT ngày 25/4/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ Huy Vũ | 1,00 | | | | | 1,00 |
| 23 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê | 12,6 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 36, 37, 48, 49 | Công văn số 685/BQL-QLĐT ngày 26/4/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê | 30,00 | | | | | 30,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 24 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất; Dự án Khu dịch vụ An Thịnh Dung Quất | 3,00 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 62 | Công văn số 484/BQL-QLĐT ngày 27/3/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ An Thịnh Dung Quất | 3,00 | | | | | 3,00 |
| 25 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị Dragon Dung Quất | 9,27 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 19, 20, 30, 31 | Công văn số 739/BQL-QLĐT ngày 07/5/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu đô thị Dragon Dung Quất | 10,00 | | | | | 10,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 26 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ thương mại Kiến Cát | 0,45 | Xã Bình Thạnh | Tờ bản đồ số 52, 53 | Công văn số 797/BQL-QLĐT ngày 15/5/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại Kiến Cát | 1,00 | | | | | | 1,00 |
| 27 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ thương mại Ngọc Phát | 0,57 | Xã Bình Thạnh | Tờ bản đồ số 52, 53 | Công văn số 798/BQL-QLĐT ngày 15/5/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại Ngọc Phát | 1,00 | | | | | | 1,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 28 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị và dịch vụ Dốc Sỏi | 45,8 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 11, 21, 22, 23, 33, 34 | Công văn số 919/BQL-QLĐT ngày 06/4/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu đô thị và dịch vụ Dốc Sỏi | 50,00 | | | | | 50,00 |
| 29 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Bình Chánh | 2,00 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số 6 | Công văn số 595/BQL-QLĐT ngày 06/6/2019 của Ban QL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc chấp thuận nguyên tắc đầu tư dự án Khu dịch vụ tổng hợp Bình Chánh | 2,00 | | | | | 2,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|----------------------|-----------------------------|---|--|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 30 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị du lịch sinh thái Khe Hai -Chu Lai. | 9,70 | Xã Bình Thạnh | Tờ bản đồ số: 10; 16; 17 xã Bình Thạnh | Công văn số 6505/UBND-CNXD ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch và đầu tư dự án: Khu đô thị du lịch sinh thái Khe Hai Chu Lai, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn. | 14.000,00 | | | | | 14.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 31 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: dự án Khu dân cư và dịch vụ Cà Ninh -Dung Quất (Khu 1) | 60,00 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số: 41;48;49;55;56; 61, 62 và 63 | Công văn số 2941/UBND-CNXD ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát, lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Khu tái định cư dân cư và Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường – Tây sông Trà Bồng và Đông sông Trà Bồng, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 293/BQL-QLĐT–ngày 01/3/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm nghiên cứu khảo sát, lập quy hoạch đề xuất đầu tư dự án Khu dân cư và dịch vụ Cà Ninh - Dung Quất; | 60.000,00 | | | | | 60.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 32 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dân cư và dịch vụ Cà Ninh -Dung Quất (Khu 2) | 59,00 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số: 63; 64; 67; 68; 69; 70; 72; 73; 74; 108; 109; 110; 111; 112; 113; 114 và 115 xã Bình Đông. | Công văn số 2941/UBND-CNXD ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát, lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Khu tái định cư dân cư và Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường – Tây sông Trà Bồng và Đông sông Trà Bồng, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 293/BQL-QLĐT ngày 01/3/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm nghiên cứu khảo sát, lập quy hoạch đề xuất đầu tư dự án Khu dân cư và dịch vụ Cà Ninh - Dung Quất. | 59.000,00 | | | | | 59.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|----------------------|-----------------------------|---|--|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 33 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội Bình Đông | 1,10 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số: 41;42 xã Bình Đông | Công văn số 5298/UBND-CNXD ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và đầu tư Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh, Khu dân cư Bình Trị, Khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội xã Bình Đông và Khu dịch vụ xã Bình Đông; | 2.986,00 | | | | | 2.986,00 |
| 34 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh. | 28,00 | Xã Bình Thạnh | Tờ bản đồ số: 50, 51, 52, 60, 61 xã Bình Thạnh | Công văn số 5298/UBND-CNXD ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và đầu tư Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh, Khu dân cư Bình Trị, Khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội xã Bình Đông và Khu dịch vụ xã Bình Đông; | 28.000,00 | | | | | 28.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|----------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 35 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ xã Bình Đông. | 0,60 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số: 21, 27, 96 xã Bình Đông. | Công văn số 5298/UBND-CN XD ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch và đầu tư Dự án Khu dân cư xã Bình Thạnh, Khu dân cư Bình Trị, Khu dịch vụ kết hợp Khu dân cư và nhà ở xã hội xã Bình Đông và Khu dịch vụ xã Bình Đông; | 2.000,00 | | | | | | 2.000,00 |
| 36 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dân cư kết hợp dịch vụ xã Bình Thạnh. | 1,00 | Xã Bình Thạnh | Tờ bản đồ số: 42; 54 xã Bình Thạnh | Công văn số 169/BQL-QLĐT ngày 30/01/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, về việc giới thiệu địa điểm để nghiên cứu, khảo sát lập dự án đầu tư: Khu dân cư kết hợp dịch vụ xã Bình Thạnh | 4.888,00 | | | | | | 4.888,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|--------------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 37 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt dự án Công viên cây xanh (CX1) tại Khu đô thị mới Vạn Tường, Khu kinh tế Dung Quất. | 16,47 | Xã Bình Hải, xã Bình Hòa | Tờ bản đồ số: 59, 60, 63, 64 xã Bình Hải; Tờ bản đồ: 47, 48 xã Bình Hòa. | Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. | 16.000 | | 16.000 | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 38 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt dự án Công viên cây xanh(CX2) tại Khu đô thị mới Vạn Tường, KKT Dung Quất. | 12,35 | Xã Bình Hải | Tờ bản đồ số: 61, 64 xã Bình Hải. | Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. | 26.853,00 | | 26.853,00 | | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 39 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt dự án Công viên cây xanh (CX3) tại Khu đô thị mới Vạn Tường, KKT Dung Quất. | 18,81 | Xã Bình Hải | Tờ bản đồ số: 61, 62, 64, 65, 99 xã Bình Hải. | Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. | 40.778,00 | | 40.778,00 | | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 40 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu quy hoạch bãi biển dùng chung (Khu 01) thuộc Khu đô thị Vạn Tường, KKT Dung Quất. | 25,06 | Xã Bình Hải | Tờ bản đồ số: 48, 53, 54, 58, 62, 95, 97, 99 xã Bình Hải. | Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. | 25.000 | | 25.000 | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|--------------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 41 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu quy hoạch bãi biển dùng chung (Khu 02) thuộc Khu đô thị Vạn Tường, KKT Dung Quất. | 43,90 | Xã Bình Hải, xã Bình Phú | Tờ bản đồ số: 65, 68 xã Bình Hải; Tờ bản đồ số: 1, 2, 4, 5, 9, 13, 14 xã Bình Phú | Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu (phần sử dụng đất và giao thông) tỷ lệ 1/2000 đô thị mới Vạn Tường; Thông báo 31/TB-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về kết luận tại buổi làm việc với Tập đoàn FLC về việc triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. | 43.000 | | 43.000 | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|---------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 42 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường 01 | 59,19 | Xã Bình Hải; | Tờ bản đồ số: 11;12;13; 14;15;16; 20; 21; 22; 29; 30 và 85 xã Bình Hải. | Quyết định chủ trương đầu tư số 202/QĐ-BQL ngày 02/7/2019 của BQL KKT DQ và các KCN Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường 01 | 209.000 | | | | | | 209.000 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|----------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 43 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường 02 | 93,09 | Xã Bình Hải. | Tờ bản đồ số: 5; 6; 7; 8; 9; 11; 12; 14; 15; 81; 83 và 84 xã Bình Hải. | Quyết định chủ trương đầu tư số 203/QĐ-BQL ngày 02/7/2019 của BQL KKT DQ và các KCN Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường 02 | 60.000,00 | | | | | | 60.000,0 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-------------------------------|---|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 44 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Tổ hợp Khu tái định cư dân cư và Khu đô thị dịch vụ Tây sông Trà Bồng. | 66,38 | Xã Bình Chánh, xã Bình Thạnh. | Tờ bản đồ số: 28, 29, 39, 48, 49, 50, 57, 58, 59, 60, 68, 73, 74, 82, 83, 89, 95, 96 và 101 xã Bình Chánh. Tờ bản đồ số 75, 76 xã Bình Thạnh. | Công văn số 2941/UBND-CNXD ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, khảo sát, lập đề xuất dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Khu tái định cư dân cư và Khu đô thị dịch vụ Vạn Tường – Tây sông Trà Bồng và Đông sông Trà Bồng, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 981/BQL-QLĐT ngày 13/6/2018 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để nghiên cứu, khảo sát lập dự án đầu tư. | 66.000,00 | | | | | 66.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vắn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|----------------------|-----------------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 45 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Bến cảng số 02 (GD 1) - Cảng tổng hợp Dung Quất. | 8,20 | Xã Bình Thuận. | Tờ bản đồ số: 6, 83, 84, 85 xã Bình Thuận. | Công văn số 1060/BQL-QHXD ngày 14/10/2011 về việc thỏa thuận tạm vị trí, ranh giới, quy mô xây dựng giai đoạn 1 Bến cảng số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất; GCN đầu tư số 65201000109 ngày 25/4/2012 (CNĐT điều chỉnh lần 1 ngày 05/12/2014). | 10.000,00 | | | | | 10.000,00 |
| 46 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà văn hóa thôn Tuyệt Diêm 1, xã Bình Thuận. | 0,04 | Xã Bình Thuận. | Tờ bản đồ số: 85 xã Bình Thuận. | Công văn số 59/BQL-QHXD ngày 12/01/2018 về việc vị trí xây dựng Nhà văn hóa thôn Tuyệt Diêm 1 và Tuyệt Diêm 2, xã Bình Thuận. | 100,00 | | | | 100,00 | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|----------------------|--|---|---|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 47 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Nhà văn hóa thôn Tuyết Diêm 2, xã Bình Thuận. | 0,04 | Xã Bình Thuận. | Tờ bản đồ số: 96 xã Bình Thuận. | Công văn số 59/BQL-QHXD ngày 12/01/2018 về việc vị trí xây dựng Nhà văn hóa thôn Tuyết Diêm 1 và Tuyết Diêm 2, xã Bình Thuận. | 100,00 | | | | 100,00 | |
| 48 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà xưởng công nghiệp. | 17,00 | Xã Bình Chánh | Tờ bản đồ số: 11, 12, 13, 21 và 22 xã Bình Chánh. | Công văn số 428/BQL-QLĐT ngày 19/3/2019 về việc chấp thuận nguyên tắc chủ trương và giới thiệu địa điểm nghiên cứu đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà xưởng công nghiệp. | 25.000,00 | | | | | 25.000,00 |
| 49 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê. | 26,40 | Xã Bình Chánh, xã Bình Thạnh. | Tờ bản đồ số: 17, xã Bình Chánh; 70, 71, 74 xã Bình Thạnh. | Công văn số 427/BQL-QLĐT ngày 19/3/2019 về việc chấp thuận nguyên tắc chủ trương và giới thiệu địa điểm nghiên cứu đầu tư dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê. | 30.000,00 | | | | | 30.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 50 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ kết hợp nhà ở. | 1,00 | Xã Bình Đông | Tờ bản đồ số: 41, 42 xã Bình Đông. | Công văn số 1911/BQL-QLĐT ngày 29/10/2018 về việc đồng ý về nguyên tắc giới thiệu địa điểm để Nhà đầu tư nghiên cứu đầu tư dự án | 1.500,00 | | | | | 1.500,00 |
| 51 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Đầu tư kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe. | 0,39 | Xã Bình Thuận. | Tờ bản đồ số: 64, 65 xã Bình Thuận. | Quyết định chủ trương đầu tư số 306/QĐ-BQL ngày 02/10/2018 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi | 600,00 | | | | | 600,00 |
| 52 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Bình Thuận | 0,40 | Xã Bình Thuận. | Tờ bản đồ số: 01 xã Bình Thuận. | Quyết định chủ trương đầu tư số 444/QĐ-BQL ngày 28/12/2018 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi | 20.000,00 | | | | | 20.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 53 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Dự án Khu Dịch vụ cơ khí dầu khí Dung Quất. | 13,40 | Xã Bình Thuận. | Tờ bản đồ số: 18,24, 25, 100, 103 xã Bình Thuận. | Công văn số 473/UBND-CNXD ngày 28/01/2019 về việc tiếp tục chỉ đạo triển khai ý kiến chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 356-TB/TU ngày 28/12/2018; Công văn số 696/BQL-QLĐT ngày 11/5/2018 của BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để nghiên cứu, khảo sát đầu tư dự án xây dựng nhà xưởng, bãi gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí. | 13.000,00 | | | | | 13.000,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|---------------------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 54 | Khu dân cư chính trang Đông Nam mở rộng thị trấn Châu Ô | 6,03 | thị trấn Châu Ô và xã Bình Thới | Tờ bản đồ số 24 và 38 thị trấn Châu Ô; tờ bản đồ số 08 xã Bình Thới | Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư chính trang Đông Nam mở rộng Thị trấn Châu Ô | 15,03 | | | | | 15,03 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--------------------------|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 55 | Điện năng lượng Mặt trời | 56,27 | Bình Nguyên | Tờ số 17,18, 19, 21, 22, 24, 25 | Quyết định số 556/QĐ-BCT ngày 12/02/2018 của Bộ Công thương phê duyệt bổ sung bổ sung danh mục dự án Nhà máy Điện mặt trời xã Bình Nguyên, công suất 49,608MWp vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi tại; UBND tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 30/3/2018. | 20.000 | | | | | 20.000 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|--|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|----------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 56 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại BFC Vạn Tường | 1,40 | Xã Bình Thuận | Tờ bản đồ số: 46 | Đã có KHSD đất năm 2018 tại Quyết định 761/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND tỉnh, nhưng thuộc Phụ lục 03 (Công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) và chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa nên không thể thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với dự án nằm trong KKT Dung Quất. | 1.400,00 | | | | | | 1.400,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|----------------------|-----------------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 57 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Xưởng cơ khí Thượng Hải Dung Quất | 2,40 | Xã Bình Thuận | Tờ bản đồ số: 45 và 51 | Đã có KHSD đất năm 2017 tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh, nhưng thuộc Phụ lục 03 (Công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) và chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa nên không thể thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với dự án nằm trong KKT Dung Quất. | 2.400,00 | | | | | 2.400,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|----------------------|-----------------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 58 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Cửa hàng xăng dầu Trị Trang | 0,14 | xã Bình Thạnh | Tờ bản đồ số 41 | Đã có KHSD đất năm 2019 tại Quyết định số 69/QQD-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh, nhưng thuộc Phụ lục 03 (Công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) và chưa có trong danh mục công trình chuyển mục đích đất lúa nên không thể thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với dự án nằm trong KKT Dung Quất. | 400,00 | | | | | 400 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|----------------------|-----------------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 59 | Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nằm trong Khu kinh tế Dung Quất: Nhà máy sản xuất BIO-Ethanol nhiên liệu Dung Quất | 0,90 | Xã Bình Thuận | Tờ bản đồ số: 66 | Đã thực hiện công tác bồi thường, GPMB theo chủ trương đầu tư từ năm 2009 (Công văn số 352/BQL- KHĐT ngày 09/4/2009 của BQL KKT Dung Quất về việc chấp thuận đầu tư dự án). Tuy nhiên, do còn tồn tại khoảng 8.625 m2/08 hộ dân vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB nay mới có kết quả giải quyết. Vì vậy, cần bổ sung KHSD đất để làm cơ sở trình UBND huyện Bình Sơn thu hồi đất, tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho dân đối với dự án nằm trong KKT Dung Quất.. | 900,00 | | | | | 900,00 |
| 60 | Khu tái định cư Đức An (Dự án 500kv Dốc Sỏi - Pleike 2) | 0,695 | xã Bình Minh | Tờ số 30 | Công văn số 3332/CPMB-PĐB ngày 20/5/2019 và Công văn số 3882/CPMB-PĐB ngày 05/6/2019 của Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung | 1.100,00 | | | | | 1.100,00 |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|------------------|--|----------------------|-----------------------------|---|---|--|-------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|---|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) +(10)+(11)+ (12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 61 | Khu tái định cư Mỹ Long (Dự án 500kv Đốc Sỏi - Pleike 2) | 1,373 | xã Bình Minh | Tờ số 42, 53 | Công văn số 3332/CPMB-PĐB ngày 20/5/2019 và Công văn số 3882/CPMB-PĐB ngày 05/6/2019 của Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung | 1.785,00 | | | | | 1.785,00 |
| Tổng cộng | | 864,72 | | | | 906.536 | - | 152.981 | 2.200 | 200 | 751.155 |

Phụ lục 3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|------------------|--|-------------------|-----------------------|--|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 | Khu dân cư phía Nam Kho bạc Nhà nước huyện Mộ Đức (Công trình đầu giá đất do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mộ Đức làm chủ đầu tư) | 0,17 | Thị trấn Mộ Đức | Tờ bản đồ số 5 | QĐ số 4795/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Mộ Đức phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1514/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 | 650 | | | 650 | | |
| TỔNG CỘNG | | 0,17 | | | | 650 | 0 | 0 | 650 | 0 | 0 |

Phụ lục 4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỐ

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|--|-------------------|--|--|--|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 1 | Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 2 | 29,74 | xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Minh huyện Đức Phổ | | Chủ trương đầu tư tại NQ số 08/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh | 30.000 | 30.000 | | | | | |
| 2 | Tuyến đường ĐH.417 (Phố Ninh - Ba Khâm) | 5,6 | Tờ bản đồ số 04 thị trấn Đức Phổ, Tờ bản đồ số 17,21,22.24, 25 xã Phố Ninh | Tờ bản đồ số 04 thị trấn Đức Phổ, Tờ bản đồ số 17,21,22.24,25 xã Phố Ninh | Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư Dự án Tuyến đường ĐH.417 (Phố Ninh - Ba Khâm); Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 | 5.000 | | 5.000 | | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|--|--|---|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 3 | Nâng cấp Tuyến đường Trà Cầu - Km7 (Quốc lộ 24) | 2,4760 | Tờ bản đồ số 07 xã Phở Văn, tờ bản đồ số 24, 25, 26 xã Phở Thuận | Tờ bản đồ số 07 xã Phở Văn, tờ bản đồ số 24, 25, 26 xã Phở Thuận | Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp đường Trà Cầu - Km7 (QL24); Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Đức Phổ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn cơ bản của ngân sách cấp huyện năm 2019 | 2.400 | | | 2.400 | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|--|--|--|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+ (10)+ (11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 4 | Nâng cấp Tuyến đường Đức Phở- Km7 (Quốc lộ 24) | 2,6316 | Tờ bản đồ số 22 xã Phở Nhon, tờ bản đồ số 17, 18, 19 xã Phở Ninh | Tờ bản đồ số 22 xã Phở Nhon, tờ bản đồ số 17, 18, 19 xã Phở Ninh | Quyết định số 3835/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phở về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp đường Đức Phở - Km7 (QL24) (ĐH.44); Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Đức Phở về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn cơ bản của ngân sách cấp huyện năm 2019 | 2.600 | | | 2.600 | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|----------------------------------|-------------------|------------------------------|--|---|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 5 | Tuyến đường Phố Khánh - Phố Châu | 1,3314 | Tờ bản đồ số 49 xã Phố Thạnh | Tờ bản đồ số 49 xã Phố Thạnh | Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Tuyến đường Phố Khánh - Phố Châu; Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Đức Phổ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn cơ bản của ngân sách cấp huyện năm 2020 | 1.300 | | | 1.300 | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------------------|--|---|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 6 | Khu tái định cư đường Quốc lộ 1A - Mỹ Á - KCN Phố Phong | 0,4234 | Tờ bản đồ số 4,5 thị trấn Đức Phổ | Tờ bản đồ số 4,5 thị trấn Đức Phổ | Công văn số 1143/UBND ngày 23/4/2019 của UBND huyện Đức Phổ về việc cho chủ trương xây dựng khu tái định cư tại vị trí khu đất dọc theo tuyến đường Lê Thánh Tôn để tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án: Đường QL1A - Mỹ Á - Đi Khu công nghiệp Phố Phong (giai đoạn 1); Công văn số 3490/UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về xây dựng khu TĐC để phục vụ TĐC cho các hộ thuộc dự án Đường Đường QL1A - Mỹ Á - Đi Khu công nghiệp Phố Phong (giai đoạn 1), (đã bố trí vốn thực hiện) | 400 | | 400 | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-------------|--|-------------------|--|--|---|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 7 | Xử lý điểm đen tai nạn giao thông trên Quốc lộ 1A, đoạn Km1106+500 đến Km1106+700, đoạn qua xã Phô Khánh | 1,4190 | Thửa đất số 112, 113, 126, 127, tờ bản đồ số 26 xã Phô Khánh | Thửa đất số 112, 113, 126, 127, tờ bản đồ số 26 xã Phô Khánh | Công văn số 325/CQLĐB III-ATGT ngày 08/3/2019 của Cục Quản lý đường bộ III về việc đề nghị chỉ đạo công tác GPMB để xử lý điểm đen trên QL1 đoạn qua xã Phô Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi | 1.400 | | | | | 1.400 |
| 8 | Khu dân cư xóm 26 thôn vĩnh An, xã Phô Khánh | 1,8658 | Tờ bản đồ số 13, 15 xã Phô Khánh | Tờ bản đồ số 13, 15 xã Phô Khánh | Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Khu dân cư xóm 26 thôn vĩnh An, xã Phô Khánh (Vốn từ quỹ đất) | 1.800 | | | 1.800 | | |
| Tổng | | 45,49 | | | | 44.900 | 30.000 | 5.400 | 8.100 | - | 1.400 |

Phụ lục 4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN ĐỨC PHỐ

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|---|-------------------|--|--|--|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 1 | Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn II, thành phần 2 | 29,74 | xã Phổ An, Phổ Quang, Phổ Minh huyện Đức Phổ | | Chủ trương đầu tư tại NQ số 08/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh | 30.000 | 30.000 | | | | | |
| 2 | Tuyến đường ĐH.417 (Phố Ninh - Ba Khâm) | 5,6 | Tờ bản đồ số 04 thị trấn Đức Phổ, Tờ bản đồ số 17,21,22,24, 25 xã Phố Ninh | Tờ bản đồ số 04 thị trấn Đức Phổ, Tờ bản đồ số 17,21,22,24,25 xã Phố Ninh | Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư Dự án Tuyến đường ĐH.417 (Phố Ninh - Ba Khâm); Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 | 5.000 | | 5.000 | | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|--|--|---|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 3 | Nâng cấp Tuyến đường Trà Cầu - Km7 (Quốc lộ 24) | 2,4760 | Tờ bản đồ số 07 xã Phở Văn, tờ bản đồ số 24, 25, 26 xã Phở Thuận | Tờ bản đồ số 07 xã Phở Văn, tờ bản đồ số 24, 25, 26 xã Phở Thuận | Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp đường Trà Cầu - Km7 (QL24); Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Đức Phổ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn cơ bản của ngân sách cấp huyện năm 2019 | 2.400 | | | 2.400 | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|-------------------|--|--|--|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 4 | Nâng cấp Tuyến đường Đức Phở- Km7 (Quốc lộ 24) | 2,6316 | Tờ bản đồ số 22 xã Phở Nhon, tờ bản đồ số 17, 18, 19 xã Phở Ninh | Tờ bản đồ số 22 xã Phở Nhon, tờ bản đồ số 17, 18, 19 xã Phở Ninh | Quyết định số 3835/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phở về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp đường Đức Phở - Km7 (QL24) (ĐH.44); Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Đức Phở về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn cơ bản của ngân sách cấp huyện năm 2019 | 2.600 | | | 2.600 | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-----|----------------------------------|-------------------|------------------------------|--|---|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|--|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 5 | Tuyến đường Phở Khánh - Phở Châu | 1,3314 | Tờ bản đồ số 49 xã Phở Thạnh | Tờ bản đồ số 49 xã Phở Thạnh | Quyết định số 4269/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Tuyến đường Phở Khánh - Phở Châu; Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Đức Phổ về việc giao chi tiêu kế hoạch vốn cơ bản của ngân sách cấp huyện năm 2020 | 1.300 | | | 1.300 | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|---|-------------------|-----------------------------------|--|---|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 6 | Khu tái định cư đường Quốc lộ 1A - Mỹ Á - KCN Phố Phong | 0,4234 | Tờ bản đồ số 4,5 thị trấn Đức Phổ | Tờ bản đồ số 4,5 thị trấn Đức Phổ | Công văn số 1143/UBND ngày 23/4/2019 của UBND huyện Đức Phổ về việc cho chủ trương xây dựng khu tái định cư tại vị trí khu đất dọc theo tuyến đường Lê Thánh Tôn để tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án: Đường QL1A - Mỹ Á - Đì Khu công nghiệp Phố Phong (giai đoạn 1); Công văn số 3490/UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về xây dựng khu TĐC để phục vụ TĐC cho các hộ thuộc dự án Đường Đường QL1A - Mỹ Á - Đì Khu công nghiệp Phố Phong (giai đoạn 1), (đã bố trí vốn thực hiện) | 400 | | 400 | | | |

| Stt | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | | |
|-------------|--|-------------------|--|--|---|--|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|--------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Ngân sách Trung ương | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | |
| 7 | Xử lý điểm đen tai nạn giao thông trên Quốc lộ 1A, đoạn Km1106+500 đến Km1106+700, đoạn qua xã Phô Khánh | 1,4190 | Thửa đất số 112, 113, 126, 127, tờ bản đồ số 26 xã Phô Khánh | Thửa đất số 112, 113, 126, 127, tờ bản đồ số 26 xã Phô Khánh | Công văn số 325/CQLĐB III-ATGT ngày 08/3/2019 của Cục Quản lý đường bộ III về việc đề nghị chỉ đạo công tác GPMB để xử lý điểm đen trên QL1 đoạn qua xã Phô Khánh, huyện Đức Phô, tỉnh Quảng Ngãi | 1.400 | | | | | 1.400 | |
| 8 | Khu dân cư xóm 26 thôn vĩnh An, xã Phô Khánh | 1,8658 | Tờ bản đồ số 13, 15 xã Phô Khánh | Tờ bản đồ số 13, 15 xã Phô Khánh | Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phô về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Khu dân cư xóm 26 thôn vĩnh An, xã Phô Khánh (Vốn từ quỹ đất) | 1.800 | | | 1.800 | | | |
| Tổng | | 45,49 | | | | 44.900 | 30.000 | 5.400 | 8.100 | - | 1.400 | |

Phụ lục 5

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 CỦA HUYỆN SON HÀ

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Cơ sở pháp lý (các chủ trương, quyết định, ghi vốn,) | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|----------------|---|---|--|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (Tr.đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+...+(12) | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| 1 | Đường dây 22kV khai thác sau TBA 110kV nối cấp trong TBA 220kV Sơn Hà | 0,0086 | Thị trấn Di Lăng và Sơn Ba | Tờ BĐ ĐCCS 641557 | QĐ số 1882/QĐ-QNPC ngày 01/4/2019 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi về việc phê duyệt BCKTKT | 20 | | | | | 20 |
| 2 | Dự án Thủy điện Trà Khúc 1, hạng mục Đường dây 110kV đầu nối nhà máy Thủy điện vào TBA 110/220kv Sơn Hà | 15,31 | Xã Sơn Giang; Sơn Trung và thị trấn Di Lăng | | QĐ chủ trương đầu tư số 1678/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh | 10.000 | | | | | 10.000 |
| 3 | Dự án Thủy điện Đák Ba, hạng mục Đường dây 110kV đầu nối nhà máy Thủy điện vào TBA 110/220kv Sơn Hà | 7,04 | Xã Sơn Bao và thị trấn Di Lăng | | QĐ chủ trương đầu tư số 260/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh | 3.000 | | | | | 3.000 |
| 4 | Điểm dân cư Gò Gạo | 0,3039 | Xã Sơn Thành | Tờ BĐ ĐCCS 668554 | QĐ số 2635/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của UBND huyện Sơn Hà phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch; QĐ số 185/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND xã Sơn Thành phê duyệt BC KTKT | 300 | | | | 300 | |
| 5 | Đầu tư đoạn kè từ Km1+241-Km1+429 thuộc dự án kè đường giao thông liên huyện, dọc sông Rìn, thị trấn Di Lăng | 1,5 | Thị trấn Di Lăng | (Tờ bản đồ địa chính cơ sở 665548 thị trấn Di Lăng) | Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018 | 1.500 | | | 1.500 | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Căn cứ pháp lý (các chủ trương, quyết định, ghi vốn,) | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-----|--|----------------|-----------------------|---|---|--|----------------------|----------------|---------------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (Tr.đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | |
| 6 | Khu văn hóa thể thao Sơn Thành | 1,65 | Xã Sơn Thành | Tờ BĐ ĐCCS 671560 | Thuộc chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Sơn Hà. | 1.600 | | | 1.600 | | |
| 7 | Nhà văn hóa, sân thể thao Hoãn Vây | 0,05 | Xã Sơn Thành | | Thuộc chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Sơn Hà. | 100 | | | 100 | | |
| 8 | Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Làng Vẹt | 0,05 | Xã Sơn Thành | | Thuộc chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Sơn Hà. | 100 | | | 100 | | |
| 9 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Sơn Hà | 1,47 | Thị trấn Di Lăng | Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 20 thị trấn Di Lăng | Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Sơn Hà trên cơ sở sáp nhập Trung tâm dạy nghề huyện Sơn Hà và Trung tâm giáo dục thường xuyên – Hướng nghiệp huyện Sơn Hà; Vốn thực hiện theo Chương trình 30a | 1.400 | | | 1.400 | | |
| 10 | Khu thể dục thể thao Sơn Hà | 1,818 | Thị trấn Di Lăng | | Công văn số 3302/UBND-NNTN ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất vị trí bổ sung quy hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa tỉnh Quảng Ngãi để xây dựng Khu thể dục thể thao tại thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà. | 1.800 | | | | | 1.800 |
| 11 | Trường TH Sơn Linh | 0,28 | Xã Sơn Linh | Tờ BĐ ĐCCS 662560 | Quyết định 193/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 (đợt I) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững | 200 | | | 200 | | |
| 12 | Công viên xã Sơn Kỳ | 1,74 | Xã Sơn Kỳ | Tờ BĐ ĐCCS 647554 | Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019 | 1.000 | | | 1.000 | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Cơ sở pháp lý (các chủ trương, quyết định, ghi vốn,) | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|------------------|--|----------------|-----------------------|---|--|--|----------------|---------------------|------------------|------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (Tr.đồng) | Trong đó | | | | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | | |
| 13 | Công viên xã Sơn Linh | 0,84 | Xã Sơn Linh | Tờ BĐ ĐCCS 662560 | Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019 | 800 | | | 800 | | |
| 14 | Đường trên Kè sông rìn nối tiếp | 0,22 | Thị trấn Di Lăng | Tờ BĐ ĐCCS 665548 | Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019 | 200 | | | 200 | | |
| 15 | Trung tâm bảo tồn Văn hóa Hre; hạng mục: Mặt nước và cây xanh cảnh quang | 0,061 | Xã Sơn Hạ | Tờ BĐ ĐCCS 665548 | Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà về việc giao kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ năm 2018 (đợt 3) Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ dự phòng giai đoạn 2012-2015 | 100 | | | 100 | | |
| Tổng cộng | | 32,34 | | | | 22.120 | | | 7.000 | 300 | 14.820 |

Phụ lục 6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 HUYỆN TRÀ BÔNG

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | |
|-----|--|----------------------|-----------------------------|---|--|--|----------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Ngân sách cấp xã |
| 1 | Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Trà Hiệp | 0,1 | Xã Trà Hiệp | Tờ bản đồ số 5 | Công văn số 678/SLĐT BXH-KHTC ngày 13/3/2019 của Sở Lao động TB&XH về việc xây dựng công trình Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Trà Hiệp; Công văn số 557/UBND-TH ngày 20/3/2019 của UBND huyện Trà Bông về việc xây dựng Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Trà Hiệp; QĐ số 836/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND huyện Trà Bông về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (vốn thực hiện quỹ đền ơn đáp nghĩa huyện) | | | | | |
| 2 | Điểm dân cư điểm trường mẫu giáo thị trấn Trà Xuân | 0,02 | Thị trấn Trà Xuân | Thửa đất số 109, tờ bản đồ đất số 17, thị trấn Trà Xuân | Công văn số 644/UBND-TNMT ngày 28/3/2019 của UBND huyện Trà Bông về việc chủ trương bán đấu giá quyền sử dụng đất điểm trường Mầm non Hoa Sen | | | | | |

| STT | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | | | |
|-------------|---|-------------------|--|---|--|--|----------------------|----------------|-----------------|------------------|------------------------------------|
| | | | | | | Tổng (triệu đồng) | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| 3 | Các điểm dân cư trên địa bàn huyện Trà Bồng | 1,84 | Trà Xuân, Trà Sơn, Trà Thủy và Trà Tân | Thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 04, thị trấn Trà Xuân; Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 97 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 98, xã Trà Thủy; Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 05, xã Trà Sơn và Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57, xã Trà Tân; | Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 80/BQL ngày 31/5/2019 của BQL dự án ĐTXD và PTQĐ huyện | | | | | | |
| 4 | Nâng cấp, mở rộng cầu Suối Đá | 0,1303 | Thị trấn Trà Xuân | Tờ số 32 | QĐ số 175/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Sở GTVT về việc phê duyệt BC KTKT | 400 | | 400 | | | |
| 5 | Cầu qua suối Đập Quang | 0,341 | Xã Trà Phú | Tờ số 47 | QĐ số 197/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh về việc phân khai kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ của địa phương | 450 | | 450 | | | |
| Tổng | | 2,43 | | | | 850 | - | 850 | - | - | - |